

Phụ lục
DANH SÁCH GỌI CÔNG DÂN NHẬP NGŨ VÀO QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN NĂM 2026
(Kèm theo Quyết định số 245/QĐ-UBND ngày 21/01/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh)

TT	Họ, chữ đệm và tên khai sinh Họ, chữ đệm và tên thường dùng Ngày, tháng, năm sinh Số thẻ căn cước/CCCD	- Nghề nghiệp - Nơi làm việc	Nơi thường trú của gia đình; bản thân Nơi ở hiện nay của bản thân	- Thành phần gia đình - Thành phần bản thân - Dân tộc, tôn giáo Sức khỏe đạt loại	Trình độ văn hóa, CMKT	- Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp - Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp	Ghi chú
1	Lê Công Hậu	Nông	An Tây Điền, Nguyễn Nghiêm	Nông	12	Lê Hùng Cường, 1978	
	Lê Công Hậu	Nguyễn Nghiêm	An Tây Điền, Nguyễn Nghiêm	Nông		Cao Thị Vân, 1981	
	25/9/2007			Kinh			
	51207013465			Không			
2	Võ Hoàng Phát	Nông	An Tây Điền, Nguyễn Nghiêm	Nông	12	Võ Tiến Thanh, 1973	
	Võ Hoàng Phát	Nguyễn Nghiêm	An Tây Điền, Nguyễn Nghiêm	Nông	CD	Đỗ Thị Thanh Vân	
	20/04/2004			Kinh			
	051204008970			Không			
3	Nguyễn Võ Ngọc Vũ	Nông	Phước Lợi, Nguyễn Nghiêm	Nông	12	Nguyễn Ngọc Xinh (c), 198	
	Nguyễn Võ Ngọc Vũ	Nguyễn Nghiêm	Phước Lợi, Nguyễn Nghiêm	Nông		Võ Thị Vân Thương, 1986	
	20/11/2005			Kinh			
	051205015032			Không			
4	Đinh Tiên Hoàng	Nông	Phước Lợi, Nguyễn Nghiêm	Nông	12	Đinh Thới Pháp ©, 1972	
	Đinh Tiên Hoàng	Nguyễn Nghiêm	Phước Lợi, Nguyễn Nghiêm	Nông	ĐH	Lê Thị Hằng, 1975	
	26/01/2003			Kinh			
	051203007713			Không			
5	Cao Tiến Hùng	Nông	Phước Lợi, Nguyễn Nghiêm	Nông	12	Cao Tiến Danh, 1975	
	Cao Tiến Hùng	Nguyễn Nghiêm	Phước Lợi, Nguyễn Nghiêm	Nông	CD	Lê Thị Bích Hạnh, 1978	
	02/09/2004			Kinh			
	051204001263			Không			
6	Huỳnh Minh Thắng	Nông	Phước Lợi, Nguyễn Nghiêm	Nông	12	Huỳnh Minh Toàn, 1979	
	Huỳnh Minh Thắng	Nguyễn Nghiêm	Phước Lợi, Nguyễn Nghiêm	Nông		Lê Thị Ngọc Hà, 1985	
	20/08/2005			Kinh			
	051205008114			Không			
7	Nguyễn Hồng Đạo	Nông	Nhơn Bích, Nguyễn Nghiêm	Nông	12	Nguyễn Hồng Phong, 1976	
	Nguyễn Hồng Đạo	Nguyễn Nghiêm	Nhơn Bích, Nguyễn Nghiêm	Nông		Nguyễn Thị Thu, 1979	
	31/3/2007			Kinh			
	051207000551			Không			

TT	Họ, chữ đệm và tên khai sinh Họ, chữ đệm và tên thường dùng Ngày, tháng, năm sinh Số thẻ căn cước/CCCD	- Nghề nghiệp - Nơi làm việc	Nơi thường trú của gia đình; bản thân Nơi ở hiện nay của bản thân	- Thành phần gia đình - Thành phần bản thân - Dân tộc, tôn giáo Sức khỏe đạt loại	Trình độ văn hóa, CMKT	- Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp - Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp	Ghi chú
8	Lương Anh Tuấn	Nông	Nhơn Bích, Nguyễn Nghiêm	Nông	12	Lương Văn Chín, 1971	
	Lương Anh Tuấn	Nguyễn Nghiêm	Nhơn Bích, Nguyễn Nghiêm	Nông	CD	Nguyễn Thị Nhạc, 1972	
	07/08/2005			Kinh			
	51205002140			Không			
9	Nguyễn Tấn Thuận	Nông	Nhơn Bích, Nguyễn Nghiêm	Nông	12	Nguyễn Tấn Bình, 1981	
	Nguyễn Tấn Thuận	Nguyễn Nghiêm	Nhơn Bích, Nguyễn Nghiêm	Nông		Nguyễn Thị Lòi, 1984	
	19/5/2006			Kinh			
	51206002074			Không			
10	Huỳnh Lâm Quốc Khoa	Nông	Nhơn Bích, Nguyễn Nghiêm	Nông	12	Huỳnh Thẩm, 1979	
	Huỳnh Lâm Quốc Khoa	Nguyễn Nghiêm	Nhơn Bích, Nguyễn Nghiêm	Nông		Nguyễn Thị Tuyết Nga, 197	
	09-03-2005			Kinh			
	51205002205			Không			
11	Nguyễn Hoàng Dũ	Nông	Phước Nhơn, Nguyễn Nghiêm	Nông	11	Nguyễn Văn Hưng, 1979	
	Nguyễn Hoàng Dũ	Nguyễn Nghiêm	Phước Nhơn, Nguyễn Nghiêm	Nông		Ngô Thị Phương, 1984	
	02/06/2005			Kinh			
	051205010737			Không			
12	Phan Duy Bảo	Nông	Phước Nhơn, Nguyễn Nghiêm	Nông	10	Phan Quang Ngự, 1975	
	Phan Duy Bảo	Nguyễn Nghiêm	Phước Nhơn, Nguyễn Nghiêm	Nông		Lê Thị Tín, 1978	
	22/11/2003			Kinh			
	051203003732			Không			
13	Huỳnh Minh Hà	Nông	Phước Nhơn, Nguyễn Nghiêm	Nông	12	Huỳnh Cu, 1975	
	Huỳnh Minh Hà	Nguyễn Nghiêm	Phước Nhơn, Nguyễn Nghiêm	Nông	ĐH	Trần Thị Ngọc Anh, 1981	
	01-07-2003			Kinh			
	051203001093			Không			
14	Nguyễn Hoàng Nam	Nông	Phước Nhơn, Nguyễn Nghiêm	Nông	12	Nguyễn Xuân Hải, 1972	
	Nguyễn Hoàng Nam	Nguyễn Nghiêm	Phước Nhơn, Nguyễn Nghiêm	Nông	CD	Võ Thị Hân, 1976	
	09/10/2004			Kinh			
	051204002595			Không			
15	Huỳnh Quang Bảo	Nông	Phước Nhơn, Nguyễn Nghiêm	Nông	9	Huỳnh Văn Thường, 1977	
	Huỳnh Quang Bảo	Nguyễn Nghiêm	Phước Nhơn, Nguyễn Nghiêm	Nông		Võ Thị Lệ Thủy, 1984	
	30/3/2006			Kinh			
	051206010863			Không			

TT	Họ, chữ đệm và tên khai sinh Họ, chữ đệm và tên thường dùng Ngày, tháng, năm sinh Số thẻ căn cước/CCCD	- Nghề nghiệp - Nơi làm việc	Nơi thường trú của gia đình; bản thân Nơi ở hiện nay của bản thân	- Thành phần gia đình - Thành phần bản thân - Dân tộc, tôn giáo Sức khỏe đạt loại	Trình độ văn hóa, CMKT	- Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp - Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp	Ghi chú
16	Nguyễn Minh Ngọc	Nông	Phước Nhơn, Nguyễn Nghiêm	Nông	9	Nguyễn Tân Định	
	Nguyễn Minh Ngọc	Nguyễn Nghiêm	Phước Nhơn, Nguyễn Nghiêm	Nông		Phan Thị Thanh Hằng	
	12/9/2006			Kinh			
	051206002094			Không			
17	Lê Quốc Hoài	Nông	Phước Nhơn, Nguyễn Nghiêm	Nông	12	Lê Quốc Lâm, 1977	
	Lê Quốc Hoài	Nguyễn Nghiêm	Phước Nhơn, Nguyễn Nghiêm	Nông		Nguyễn Thị Vân, 1981	
	05/3/2007			Kinh			
	051207000544			Không			
18	Ng. Hoàng Linh Ngọc Quý	Nông	Phước Nhơn, Nguyễn Nghiêm	Nông	12	Nguyễn Hữu Tiến, 1969	
	Ng. Hoàng Linh Ngọc Quý	Nguyễn Nghiêm	Phước Nhơn, Nguyễn Nghiêm	Nông	CD	Phan Thị Nguyệt, 1971	
	20/01/2003			Kinh			
	051203001469			Không			
19	Lê Tấn Lực	Nông	Tân Sơn, Nguyễn Nghiêm	Nông	12	Lê Tiến Danh, 1962	
	Lê Tấn Lực	Nguyễn Nghiêm	Tân Sơn, Nguyễn Nghiêm	Nông	CD	Lê Thị Xuân Mai, 1962	
	17/12/2000			Kinh			
	051200012049			Không			
20	Nguyễn Thới Luân	Nông	Tân Sơn, Nguyễn Nghiêm	Nông	9	Nguyễn Thới Danh, 1982	
	Nguyễn Thới Luân	Nguyễn Nghiêm	Tân Sơn, Nguyễn Nghiêm	Nông		Võ Thị Minh Hiếu, 1983	
	26/11/2004			Kinh			
	051204007447			Không			
21	Nguyễn Chí Thi	Nông	Tân Sơn, Nguyễn Nghiêm	Nông	11	Nguyễn Hữu Phúc, 1971	
	Nguyễn Chí Thi	Nguyễn Nghiêm	Tân Sơn, Nguyễn Nghiêm	Nông		Phan Thị Thanh Tùng , 1979	
	18/8/2006			Kinh			
	51206002072			Không			
22	Trần Văn Thành	Nông	Tân Sơn, Nguyễn Nghiêm	Nông	12	Trần Chính, 1973	
	Trần Văn Thành	Nguyễn Nghiêm	Tân Sơn, Nguyễn Nghiêm	Nông		Trần Thị Kim Nở, 1980	
	18/10/2007			Kinh			
	051207016453			Không			
23	Văn Minh Nghĩa	Nông	Tân Sơn, Nguyễn Nghiêm	Nông	12	Văn Nghiêm, 1979	
	Văn Minh Nghĩa	Nguyễn Nghiêm	Tân Sơn, Nguyễn Nghiêm	Nông		Phan Thị Vui, 1983	
	03/11/2007			Kinh			
	051207017675			Không			

TT	Họ, chữ đệm và tên khai sinh Họ, chữ đệm và tên thường dùng Ngày, tháng, năm sinh Số thẻ căn cước/CCCD	- Nghề nghiệp - Nơi làm việc	Nơi thường trú của gia đình; bản thân Nơi ở hiện nay của bản thân	- Thành phần gia đình - Thành phần bản thân - Dân tộc, tôn giáo Sức khỏe đạt loại	Trình độ văn hóa, CMKT	- Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp - Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp	Ghi chú
24	Lương Chí Kha	Nông	Tân Sơn, Nguyễn Nghiêm	Nông	8	Lương Văn Tuyển ©	
	Lương Chí Kha	Nguyễn Nghiêm	Tân Sơn, Nguyễn Nghiêm	Nông		Nguyễn Thị Phần ©	
	03/01/2008			Kinh			
	051208012215			Không			
25	Nguyễn Dương Phi	Nông	Hiệp An, Nguyễn Nghiêm	Nông	12	Nguyễn Ánh Dương	
	Nguyễn Dương Phi	Nguyễn Nghiêm	Hiệp An, Nguyễn Nghiêm	Nông	ĐH	Lê Thị An Toàn, 1979	
	23.10.2002			Kinh			
	051202012690			Không			
26	Dương Minh Trí	Nông	Hiệp An, Nguyễn Nghiêm	Nông	12	Dương Văn Sang 1973	
	Dương Minh Trí	Nguyễn Nghiêm	Hiệp An, Nguyễn Nghiêm	Nông		Nguyễn Thị Vân 1979	
	30.11.2003			Kinh			
	051203003777			Không			
27	Văn Tuấn Vũ	Nông	Hiệp An, Nguyễn Nghiêm	Nông	9	Văn Đức Sáng	
	Văn Tuấn Vũ	Nguyễn Nghiêm	Hiệp An, Nguyễn Nghiêm	Nông		Lê Thị Ngọc Lành 1986	
	17.11.2007			Kinh			
	51207017626			Không			
28	Nguyễn Anh Quân	Nông	Hiệp An, Nguyễn Nghiêm	Nông	9	Nguyễn Văn Toán 1976	
	Nguyễn Anh Quân	Nguyễn Nghiêm	Hiệp An, Nguyễn Nghiêm	Nông		Thới Thị Mến 1977	
	20.3.2007			Kinh			
	51207017088			Không			
29	Ngô Trung Tín	Nông	Hiệp An, Nguyễn Nghiêm	Nông	9	Ngô Trung Quy	
	Ngô Trung Tín	Nguyễn Nghiêm	Hiệp An, Nguyễn Nghiêm	Nông		Thái Thị Bền	
	24.9.2007			Kinh			
	51207017121			Không			
30	Nguyễn Long Nhật	Nông	Hiệp An, Nguyễn Nghiêm	Nông	9	Nguyễn Ngọc Trắc 1978	
	Nguyễn Long Nhật	Nguyễn Nghiêm	Hiệp An, Nguyễn Nghiêm	Nông		Phạm Thị Xuân Lộc 1986	
	13.12.2007			Kinh			
	51207021506			Không			
31	Nguyễn Thiện Phước	Nông	Hiệp An, Nguyễn Nghiêm	Nông	9	Nguyễn Ánh Dương	
	Nguyễn Thiện Phước	Nguyễn Nghiêm	Hiệp An, Nguyễn Nghiêm	Nông		Lê Thị An Toàn	
	22.7.2007			Kinh			
	51207023175			Không			

TT	Họ, chữ đệm và tên khai sinh Họ, chữ đệm và tên thường dùng Ngày, tháng, năm sinh Số thẻ căn cước/CCCD	- Nghề nghiệp - Nơi làm việc	Nơi thường trú của gia đình; bản thân Nơi ở hiện nay của bản thân	- Thành phần gia đình - Thành phần bản thân - Dân tộc, tôn giáo Sức khỏe đạt loại	Trình độ văn hóa, CMKT	- Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp - Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp	Ghi chú
32	Phạm Hoàng Bảo	Nông	Hùng Nghĩa, Nguyễn Nghiêm	Nông	12	Phạm Linh 1973	
	Phạm Hoàng Bảo	Nguyễn Nghiêm	Hùng Nghĩa, Nguyễn Nghiêm	Nông		Hoàng Thị Huệ 1975	
	01-08-2004			Kinh			
	051204008421			Không			
33	Nguyễn Thiết Lộc	Nông	Hùng Nghĩa, Nguyễn Nghiêm	Nông	11	Nguyễn Sơn 1975	
	Nguyễn Thiết Lộc	Nguyễn Nghiêm	Hùng Nghĩa, Nguyễn Nghiêm	Nông		Phạm Thị Bích Mai 1974	
	22.6.2006			Kinh			
	051206009493			Không			
34	Phạm Văn Khánh	Nông	Hùng Nghĩa, Nguyễn Nghiêm	Nông	12	Phạm Văn Cảnh 1971	
	Phạm Văn Khánh	Nguyễn Nghiêm	Hùng Nghĩa, Nguyễn Nghiêm	Nông	ĐH	Nguyễn Thị Thanh Tuyền 197	
	16.8.2003			Kinh			
	051203003730			Không			
35	Đặng Văn Thịnh	Nông	Hùng Nghĩa, Nguyễn Nghiêm	Nông	12	Đặng Văn Dũng	
	Đặng Văn Thịnh	Nguyễn Nghiêm	Hùng Nghĩa, Nguyễn Nghiêm	Nông		Nguyễn Thị Bé	
	05-04-2003			Kinh			
	051203008162			Không			
36	Phạm Ngọc Quý	Nông	Hùng Nghĩa, Nguyễn Nghiêm	Nông	12	Phạm Văn Ngọc 1984	
	Phạm Ngọc Quý	Nguyễn Nghiêm	Hùng Nghĩa, Nguyễn Nghiêm	Nông		Nguyễn Thị Hồng Mai 1984	
	19.4.2004			Kinh			
	051204013550			Không			
37	Lê Tuấn Anh	Nông	Hùng Nghĩa, Nguyễn Nghiêm	Nông	9	Lê Việt Đăng	
	Lê Tuấn Anh	Nguyễn Nghiêm	Hùng Nghĩa, Nguyễn Nghiêm	Nông		Nguyễn Thị Sương	
	13.2.2007			Kinh			
	051207012930			Không			
38	Nguyễn Văn Hiên	Nông	Hùng Nghĩa, Nguyễn Nghiêm	Nông	9	Nguyễn Văn Sanh	
	Nguyễn Văn Hiên	Nguyễn Nghiêm	Hùng Nghĩa, Nguyễn Nghiêm	Nông		Phạm Thị Kiều	
	21.4.2007			Kinh			
	51207016292			Không			
39	Nguyễn Lê Lợi	Nông	Hùng Nghĩa, Nguyễn Nghiêm	Nông	9	Nguyễn Duy Long	
	Nguyễn Lê Lợi	Nguyễn Nghiêm	Hùng Nghĩa, Nguyễn Nghiêm	Nông		Lê Thị Bảy 1974	
	24.9.2007			Kinh			
	51207014995			Không			

TT	Họ, chữ đệm và tên khai sinh Họ, chữ đệm và tên thường dùng Ngày, tháng, năm sinh Số thẻ căn cước/CCCD	- Nghề nghiệp - Nơi làm việc	Nơi thường trú của gia đình; bản thân Nơi ở hiện nay của bản thân	- Thành phần gia đình - Thành phần bản thân - Dân tộc, tôn giáo Sức khỏe đạt loại	Trình độ văn hóa, CMKT	- Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp - Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp	Ghi chú
40	Lê Xuân Kiệt	Nông	Hùng Nghĩa, Nguyễn Nghiêm	Nông	9	Lê Xuân Nam 1979	
	Lê Xuân Kiệt	Nguyễn Nghiêm	Hùng Nghĩa, Nguyễn Nghiêm	Nông		Phạm Thị Kiều Dương 1984	
	18.10.2007			Kinh			
	51207019589			Không			
41	Võ Thanh Sang	Nông	Vạn Trung, Nguyễn Nghiêm	Nông	12	Võ Văn Thịnh	
	Võ Thanh Sang	Nguyễn Nghiêm	Vạn Trung, Nguyễn Nghiêm	Nông	CĐ	Võ Thị Thanh Tâm	
	19.6.2004			Kinh			
	051204005111			Không			
42	Trần Nhật Nam	Nông	Vạn Trung, Nguyễn Nghiêm	Nông	12	Trần Ngọc Mẫn 1989	
	Trần Nhật Nam	Nguyễn Nghiêm	Vạn Trung, Nguyễn Nghiêm	Nông	CĐ	Thới Thị Thịnh 1989	
	13.7.2004			Kinh			
	051204013272			Không			
43	Lê Thanh Chương	Nông	Vạn Trung, Nguyễn Nghiêm	Nông	9	Lê Thanh Biên 1985	
	Lê Thanh Chương	Nguyễn Nghiêm	Vạn Trung, Nguyễn Nghiêm	Nông		Phạm Thị Dâu	
	19.7.2007			Kinh			
	051207019522			Không			
44	Phan Tấn Phát	Nông	Vạn Trung, Nguyễn Nghiêm	Nông	11	Phan Minh Tuấn	
	Phan Tấn Phát	Nguyễn Nghiêm	Vạn Trung, Nguyễn Nghiêm	Nông		Tô Thị Kim Hồng 1984	
	04.6.2007			Kinh			
	051207011901			Không			
45	Nguyễn Việt Tiến	Nông	Vạn Trung, Nguyễn Nghiêm	Nông	9	Nguyễn Thế Tịnh 1976	
	Nguyễn Việt Tiến	Nguyễn Nghiêm	Vạn Trung, Nguyễn Nghiêm	Nông		Đặng Thị Mỹ Diệp 1983	
	26.10.2007			Kinh			
	51207012304			Không			
46	Nguyễn Văn Quân	Nông	Vạn Trung, Nguyễn Nghiêm	Nông	12	Nguyễn Văn Lưỡng 1964	
	Nguyễn Văn Quân	Nguyễn Nghiêm	Vạn Trung, Nguyễn Nghiêm	Nông		Lưu Thị Nhứt 1970	
	15.7.2007			Kinh			
	492070G7193			Không			
47	Nguyễn Hữu Trọng Hải	Nông	Vạn Trung, Nguyễn Nghiêm	Nông	12	Nguyễn Hữu Hòa 1982	
	Nguyễn Hữu Trọng Hải	Nguyễn Nghiêm	Vạn Trung, Nguyễn Nghiêm	Nông		Huỳnh Thị Lệ Trúc 1984	
	11.6.2007			Kinh			
	051207012158			Không			

TT	Họ, chữ đệm và tên khai sinh Họ, chữ đệm và tên thường dùng Ngày, tháng, năm sinh Số thẻ căn cước/CCCD	- Nghề nghiệp - Nơi làm việc	Nơi thường trú của gia đình; bản thân Nơi ở hiện nay của bản thân	- Thành phần gia đình - Thành phần bản thân - Dân tộc, tôn giáo Sức khỏe đạt loại	Trình độ văn hóa, CMKT	- Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp - Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp	Ghi chú
48	Võ Ngọc Duy Quân	Nông	Vạn Trung, Nguyễn Nghiêm	Nông	12	Võ Ngọc Kiều 1973	
	Võ Ngọc Duy Quân	Nguyễn Nghiêm	Vạn Trung, Nguyễn Nghiêm	Nông		Nguyễn Thị Thủy 1981	
	04.11.2007			Kinh			
	51207018075			Không			
49	Trần Gia Bảo	Nông	Vạn Trung, Nguyễn Nghiêm	Nông	9	Trần Cu	
	Trần Gia Bảo	Nguyễn Nghiêm	Vạn Trung, Nguyễn Nghiêm	Nông		Nguyễn Thị Tình	
	12.1.2008			Kinh			
	51208002816			Không			
50	Vũ Đăng Xuân Nhật	Nông	Vạn Trung, Nguyễn Nghiêm	Nông	12	Vũ Xuân Đào, 1985	
	Vũ Đăng Xuân Nhật	Nguyễn Nghiêm	Vạn Trung, Nguyễn Nghiêm	Nông		Đăng Thị Như Nguyệt, 1985	
	23-09-2007			Kinh			
	51207014054			Không			
51	Nguyễn Minh Nhật	Nông	Vạn Trung, Nguyễn Nghiêm	Nông	12	Nguyễn Minh Giới 1983	
	Nguyễn Minh Nhật	Nguyễn Nghiêm	Vạn Trung, Nguyễn Nghiêm	Nông		Nguyễn Thị Thanh Lâm 1988	
	05-05-2006			Kinh			
	51206003882			Không			
52	Nguyễn Dương Tiến Phát	Nông	Gia An, Nguyễn Nghiêm	Nông	9	Nguyễn Nghiêm	
	Nguyễn Dương Tiến Phát	Nguyễn Nghiêm	Gia An, Nguyễn Nghiêm	Nông		Dương Thị Ánh Nguyệt	
	18.11.2007			Kinh			
	51207012168			Không			
53	Nguyễn Hoàng Nhất Trí	Nông	Gia An, Nguyễn Nghiêm	Nông	9	Nguyễn Thậy 1981	
	Nguyễn Hoàng Nhất Trí	Nguyễn Nghiêm	Gia An, Nguyễn Nghiêm	Nông		Nguyễn Thị Ta 1982	
	28.6.2007			Kinh			
	051207019187			Không			
54	Huỳnh Quốc Việt	Nông	Vĩnh Xuân, Nguyễn Nghiêm	Nông	11	Huỳnh Thanh Minh 1978	
	Huỳnh Quốc Việt	Nguyễn Nghiêm	Vĩnh Xuân, Nguyễn Nghiêm	Nông		Huỳnh Thị Út 1976	
	11.7.2005			Kinh			
	051205011877			Không			
55	Nguyễn Quốc Toàn	Nông	Vĩnh Xuân, Nguyễn Nghiêm	Nông	12	Nguyễn Văn Dũng	
	Nguyễn Quốc Toàn	Nguyễn Nghiêm	Vĩnh Xuân, Nguyễn Nghiêm	Nông		Nguyễn Thị Thân	
	26-04-2005			Kinh			
	051205012320			Không			

TT	Họ, chữ đệm và tên khai sinh Họ, chữ đệm và tên thường dùng Ngày, tháng, năm sinh Số thẻ căn cước/CCCD	- Nghề nghiệp - Nơi làm việc	Nơi thường trú của gia đình; bản thân Nơi ở hiện nay của bản thân	- Thành phần gia đình - Thành phần bản thân - Dân tộc, tôn giáo Sức khỏe đạt loại	Trình độ văn hóa, CMKT	- Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp - Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp	Ghi chú
56	Nguyễn Duy Khánh	Nông	Tân Phong, Nguyễn Nghiêm	Nông	12	Nguyễn Cu 1968	
	Nguyễn Duy Khánh	Nguyễn Nghiêm	Tân Phong, Nguyễn Nghiêm	Nông	ĐH	Phạm Thị Cửa 1976	
	12.10.2003			Kinh			
	052203017003			Không			
57	Phạm Thành Long	Nông	Tân Phong, Nguyễn Nghiêm	Nông	12	Phạm Thanh Toàn 1967	
	Phạm Thành Long	Nguyễn Nghiêm	Tân Phong, Nguyễn Nghiêm	Nông		Nguyễn Thị Bé 1971	
	23.4.2004			Kinh			
	051204010824			Không			
58	Nguyễn Nhật Trình	Nông	Tân Phong, Nguyễn Nghiêm	Nông	12	Nguyễn Ngo 1966	
	Nguyễn Nhật Trình	Nguyễn Nghiêm	Tân Phong, Nguyễn Nghiêm	Nông	CĐ	Huỳnh Thị Gái 1970	
	03.4.2004			Kinh			
	051204001265			Không			
59	Huỳnh Thanh Phú	Nông	Tân Phong, Nguyễn Nghiêm	Nông	9	Trần Văn Hòi	
	Huỳnh Thanh Phú	Nguyễn Nghiêm	Tân Phong, Nguyễn Nghiêm	Nông		Nguyễn Thị Tuyết Sương	
	09.9.2007			Kinh			
	051207021923			Không			